CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP PGT Holdings

Ngày 30/09/2025	8,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.9%	**-9.9%**	**-**

DT thuần
Q3/25
13.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.10| 18.2%
YoY: ▼0.20| -1.1%

LN thuần
Q3/25
0.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.41| -61.6%
YoY: ▼4.84| -95.0%

LN sau thuế
Q3/25
0.98
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.20| -16.9%
YoY: ▼4.40| -81.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
7.4%
YoY: +/-▼ 3.1%

ROE (TTM)
Q3/25
11.6%
YoY: +/-▼ 6.2%

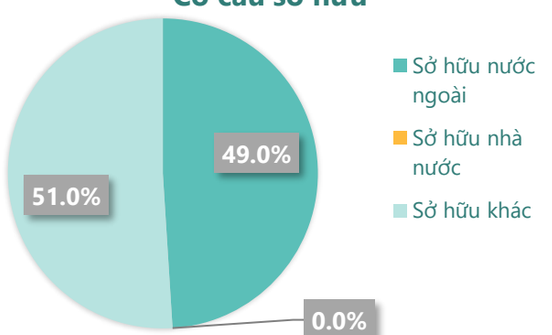
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,000 - 10,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	76
Số lượng CPLH (CP)	9,241,801
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,880
Sở hữu nước ngoài	49.0%
Beta	0.27
EPS	504
P/E	16.3

DT thuần
9T 2025
38.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.2| 47.0%

LN thuần
9T 2025
2.36
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.10| 4.4%

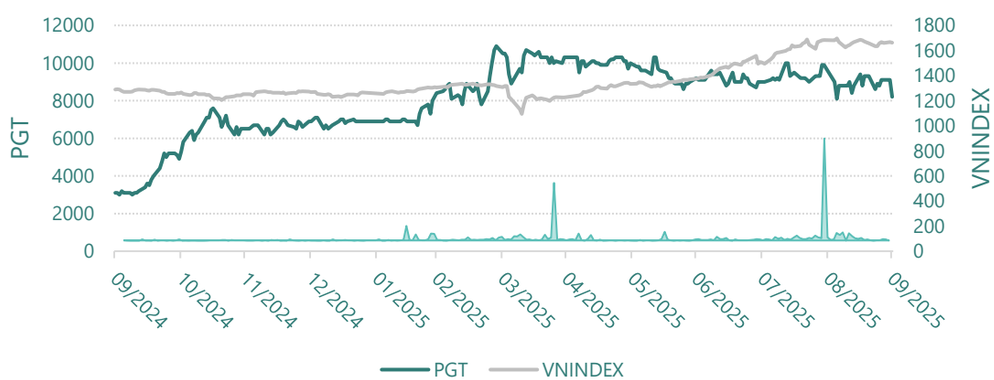
LN sau thuế
9T 2025
3.78
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.51| 66.6%

Cơ cấu sở hữu

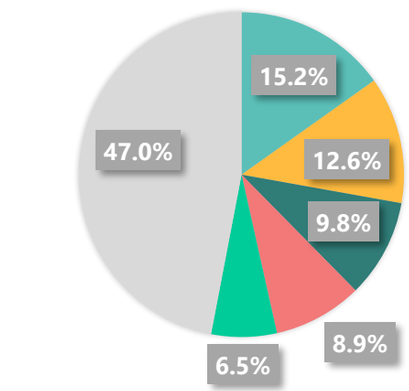


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



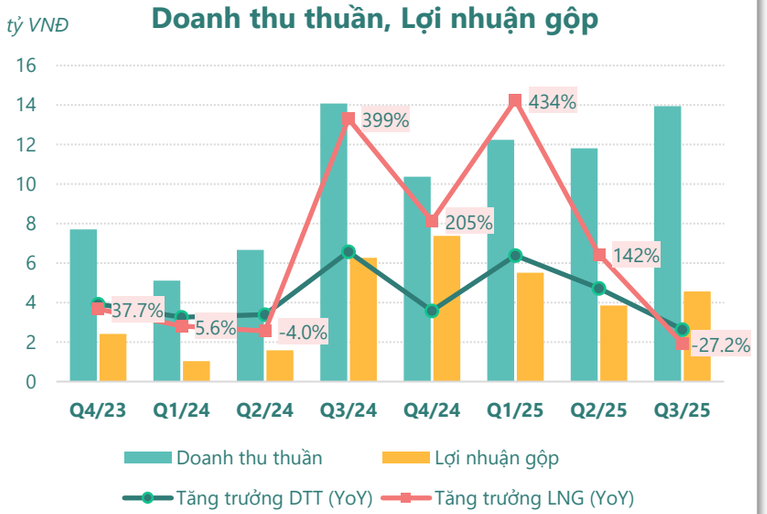
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

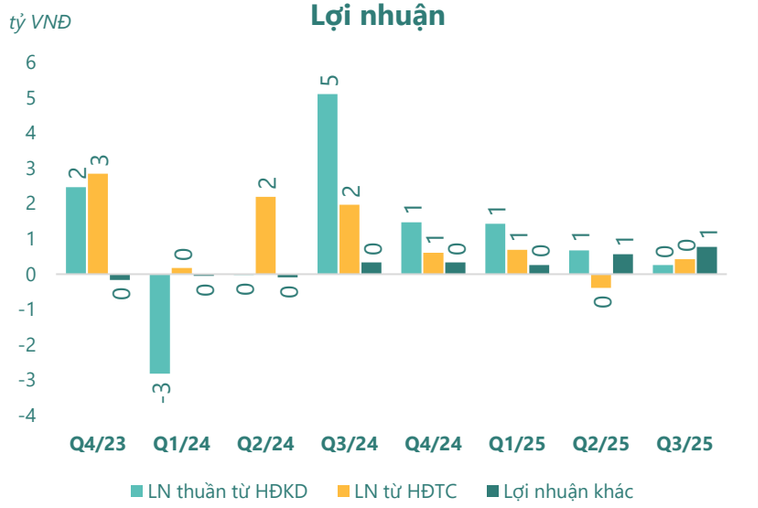
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



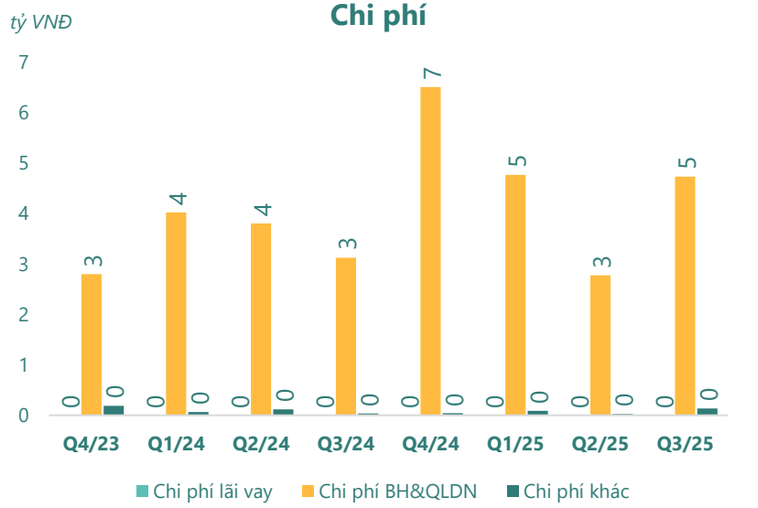
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



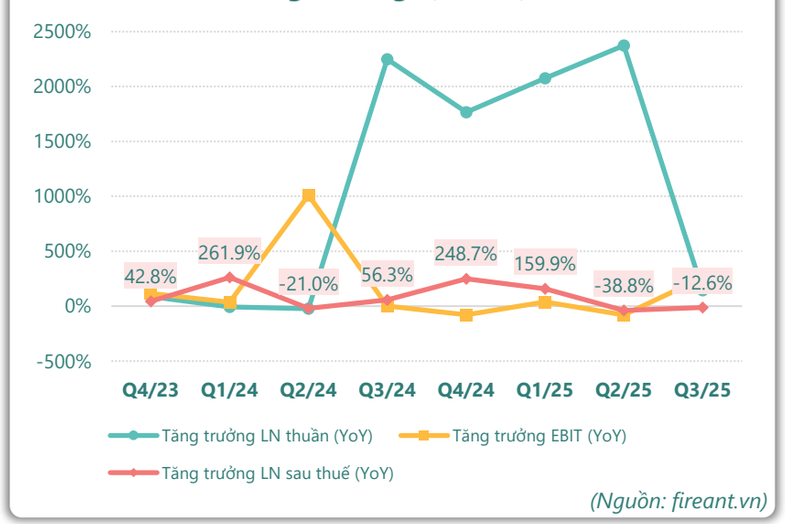
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



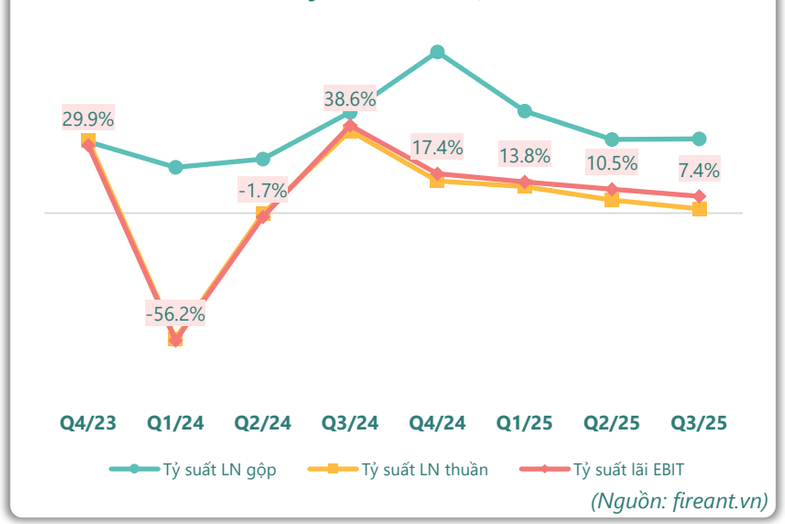
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



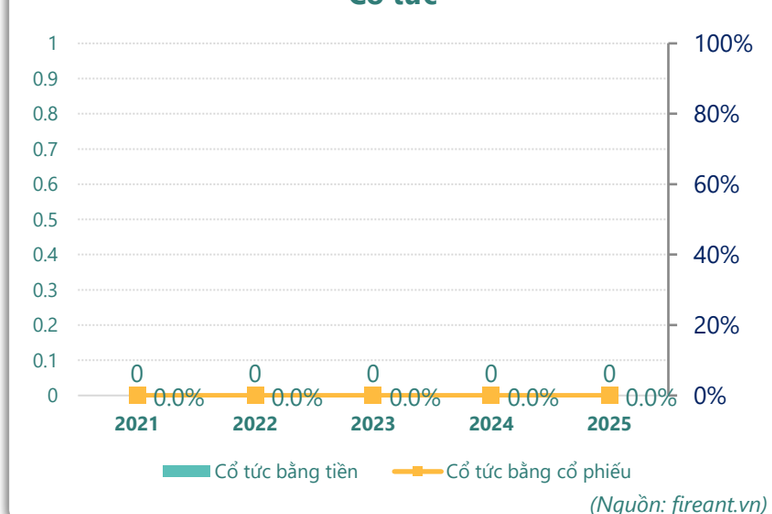
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

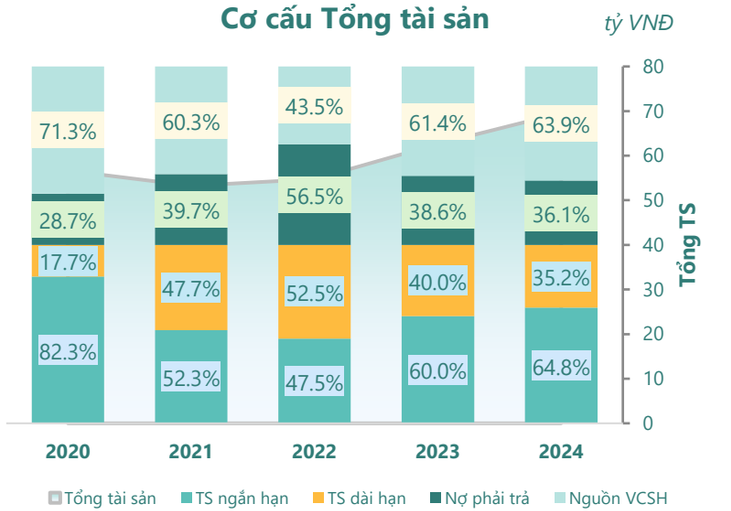
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

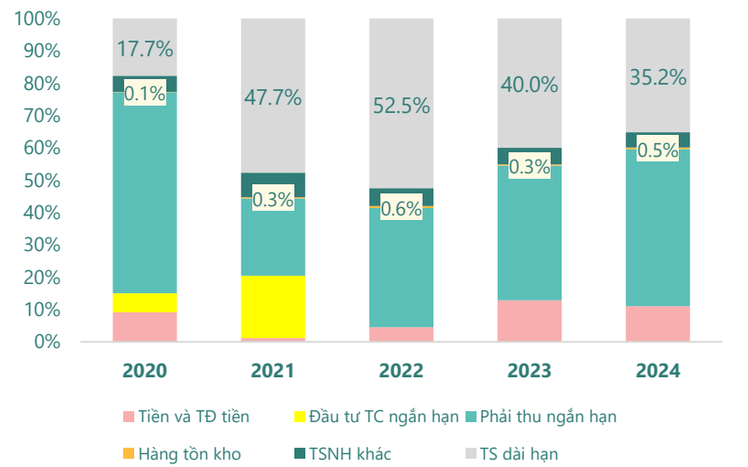
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



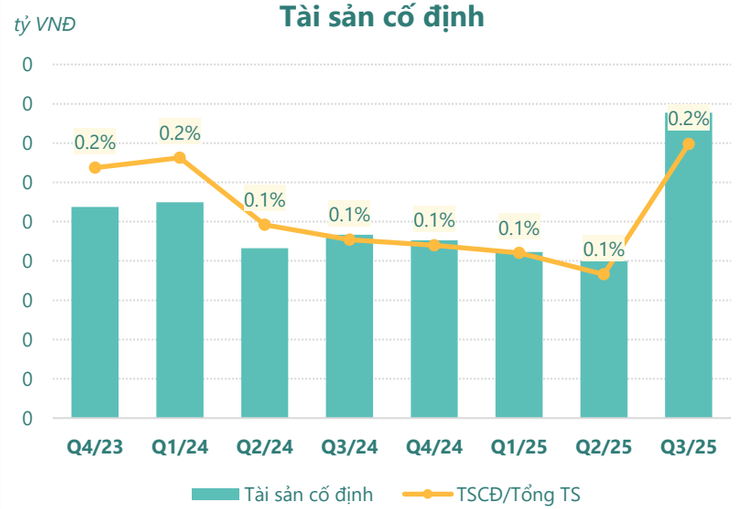
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



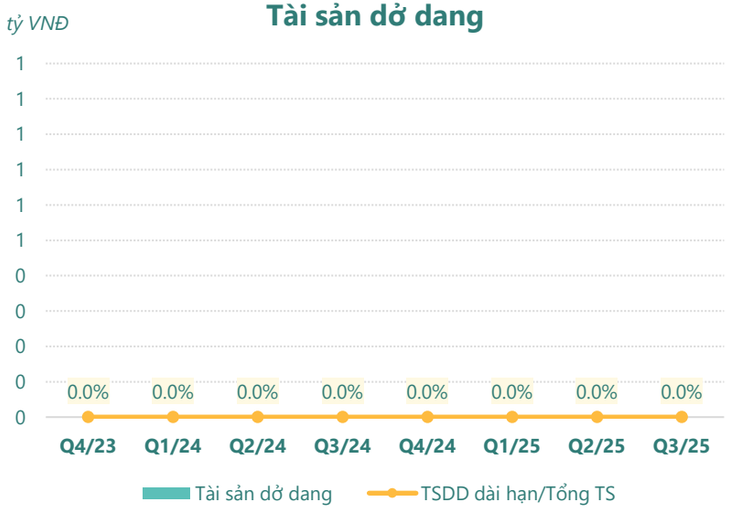
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



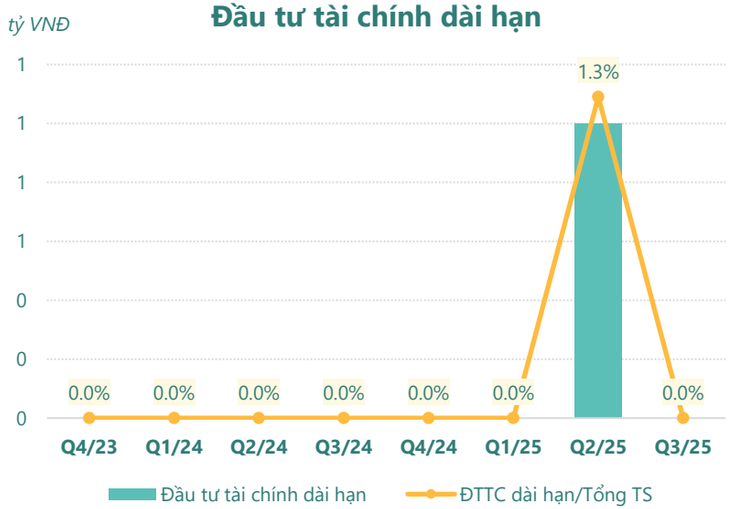
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



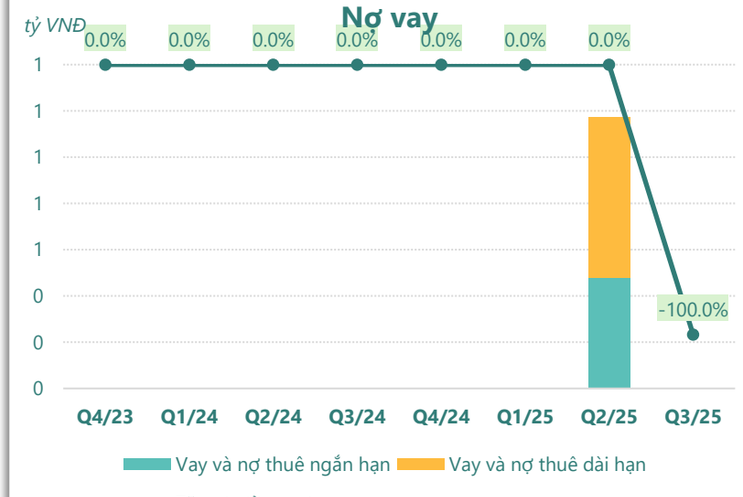
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

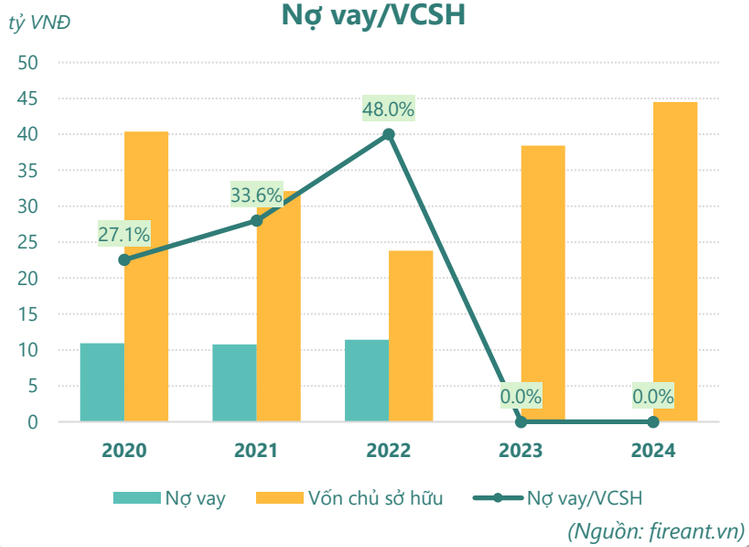
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



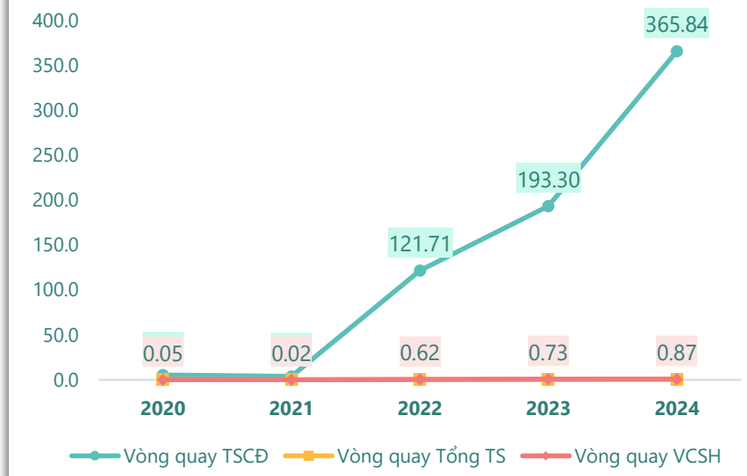
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



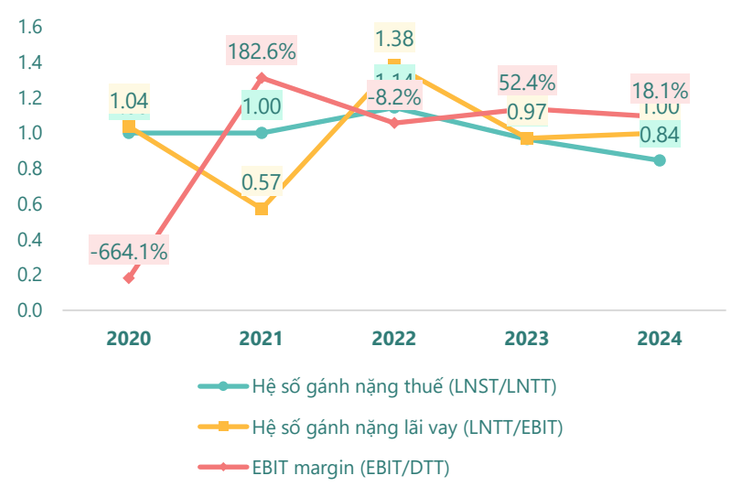
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



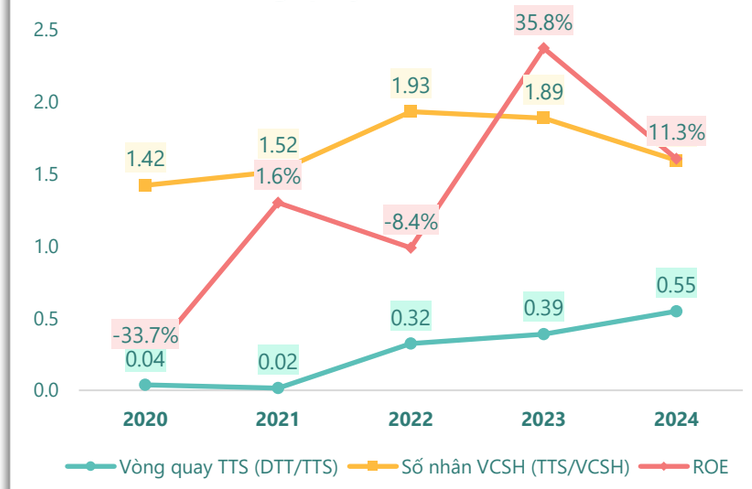
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



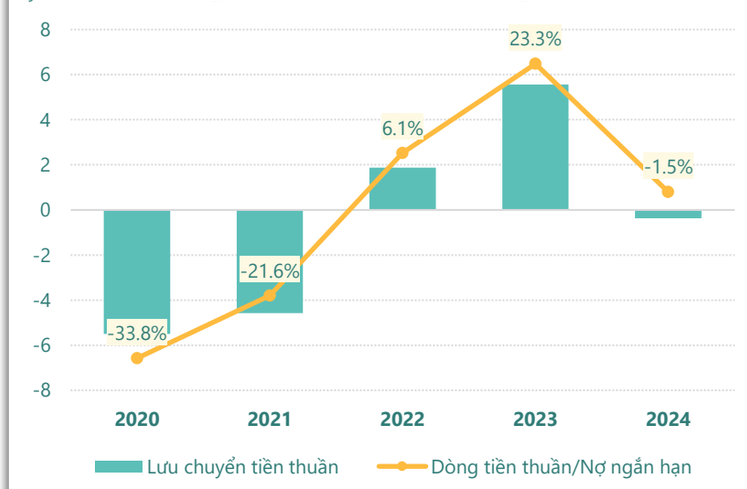
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**13.9**	**14.1**	**-1.1%**	**38.0**	**25.8**	**47.0%**
Giá vốn hàng bán	9.38	7.81	20.1%	24.1	17.0	42.0%
Lợi nhuận gộp	4.56	6.27	-27.2%	13.9	8.89	56.6%
Doanh thu HĐTC	0.86	0.36	138%	1.54	2.80	-44.9%
Chi phí TC	0.43	-1.60	127%	0.82	-1.53	153%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.52	0.27	94.1%	1.11	0.38	192%
Chi phí QLDN	**4.21**	**2.86**	**47.2%**	**11.2**	**10.6**	**5.7%**
LN thuần từ HĐKD	0.26	5.10	-95.0%	2.36	2.26	4.4%
Lợi nhuận khác	**0.77**	**0.33**	**134%**	**1.60**	**0.19**	**726%**
LN trước thuế	1.03	5.44	-81.0%	3.95	2.45	61.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.98**	**5.38**	**-81.8%**	**3.78**	**2.27**	**66.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.35**	**4.08**	**-66.9%**	**4.31**	**0.97**	**343%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.64	3.79	-7.56	2.04	-0.82	-0.93
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.83	-0.86	0.48	-0.01	-0.64	-3.47
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0.03	2.20	0	1.17	1.85
Tiền đầu kỳ	4.03	9.50	12.5	7.69	9.72	9.44
Lưu chuyển tiền thuần	**5.48**	**2.95**	**-4.88**	**2.03**	**-0.28**	**-2.55**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.08
Tiền cuối kỳ	9.50	12.5	7.58	9.72	9.44	6.54

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**80.2**	**69.6**	**15.2%**
Tài sản ngắn hạn	54.4	45.1	20.6%
Tiền và tương đương tiền	6.54	7.69	-15.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	42.4	33.8	25.7%
Hàng tồn kho	1.13	0.37	205%
Tài sản ngắn hạn khác	4.29	3.29	30.3%
Tài sản dài hạn	**25.8**	**24.5**	**5.3%**
Phải thu dài hạn	16.0	13.7	17.0%
Tài sản cố định	0.16	0.09	71.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**9.56**	**0.35**	**2594%**
Lợi thế thương mại	0	10.3	-100%
Nợ phải trả	41.4	25.1	65.1%
Nợ ngắn hạn	**29.7**	**24.7**	**20.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.94	0.46	545%
Nợ dài hạn	0	0.35	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**38.7**	**44.5**	**-12.9%**
Vốn chủ sở hữu	**38.7**	**44.5**	**-12.9%**
Vốn điều lệ	92.4	92.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)